

CAE Use of English Part 1 - Test 1

The Impact of Remote Work

Instructions:

For questions 1-8, read the text below and decide which answer (A, B, C or D) best fits each gap.

Text & Questions: The recent shift towards remote work has (1) _____ a profound impact on the modern workforce. While some companies initially (2) _____ this transition with skepticism, many have now embraced it as a permanent solution. Employees appreciate the flexibility, which often (3) _____ in a healthier work-life balance. However, remote work is not without its (4) _____. Isolation and the blurring of boundaries between personal and professional time can (5) _____ to burnout. To (6) _____ these issues, employers must proactively foster a supportive virtual culture. Ultimately, the success of this model (7) _____ heavily on effective communication and mutual trust. As we look to the future, it is clear that the traditional office landscape has been transformed (8) _____.

1. A. caused | B. had | C. made | D. done
2. A. viewed | B. stared | C. gazed | D. watched
3. A. leads | B. causes | C. results | D. brings
4. A. faults | B. errors | C. drawbacks | D. mistakes
5. A. drive | B. lead | C. direct | D. guide
6. A. combat | B. defeat | C. fight | D. battle
7. A. leans | B. rests | C. relies | D. stands
8. A. forever | B. eternally | C. forevermore | D. permanently

Đáp án:

Câu	Đáp án	Giải thích
1	B. had	Sử dụng collocation cố định: have an impact on (có tác động/ảnh hưởng lên điều gì đó).
2	A. viewed	View with skepticism mang nghĩa là nhìn nhận, xem xét một vấn đề với thái độ hoài nghi.
3	C. results	Phrasal verb result in (dẫn đến kết quả). Các động từ còn lại không đi kèm giới từ in trong ngữ cảnh này.
4	C. drawbacks	Từ vựng chỉ hạn chế, nhược điểm, phù hợp với cấu trúc not without its drawbacks (không phải là không có nhược điểm).
5	B. lead	Cụm từ lead to something có nghĩa là dẫn đến một tình trạng nào đó (ở đây là burnout - kiệt sức).
6	A. combat	Collocation combat an issue/problem diễn tả hành động đấu tranh, giải quyết một vấn đề tiêu cực.
7	C. relies	Đi kèm với giới từ on và trạng từ heavily: rely heavily on (phụ thuộc rất nhiều vào).
8	D. permanently	Trạng từ phù hợp với sắc thái trang trọng của đoạn văn, mang nghĩa "vĩnh viễn, lâu dài" (transformed permanently).

Dịch nghĩa:

Sự chuyển dịch gần đây sang làm việc từ xa đã **(1) have an impact on** lực lượng lao động hiện đại một cách sâu sắc. Mặc dù ban đầu một số công ty **(2) viewed with skepticism** sự chuyển đổi này, nhiều công ty hiện đã chấp nhận nó như một giải pháp lâu dài. Nhân viên đánh giá cao sự linh hoạt, điều này thường **(3) results in** sự cân bằng tốt hơn giữa công việc và cuộc sống. Tuy nhiên, làm việc từ xa không phải là không có **(4) drawbacks**. Sự cô lập và ranh giới mờ nhạt giữa thời gian cá nhân và công

việc có thể **(5) lead to** tình trạng kiệt sức. Để **(6) combat** những vấn đề này, các nhà tuyển dụng phải chủ động xây dựng một văn hóa làm việc trực tuyến mang tính hỗ trợ. Cuối cùng, sự thành công của mô hình này **(7) relies heavily on** giao tiếp hiệu quả và sự tin tưởng lẫn nhau. Khi nhìn về tương lai, rõ ràng môi trường văn phòng truyền thống đã thay đổi **(8) permanently**.

